

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 29

## TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Trung Thành	Ủy viên
Ông Cao Chiến Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 15/05/2017)
Bà Nguyễn Hồng Phương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 15/05/2017)

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mùi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Số: 325 /VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25/08/2017, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính giữa niên độ").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ  
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.063.973.285.498</b>	<b>871.275.583.145</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>18.147.999.335</b>	<b>44.595.635.839</b>
1. Tiền	111		14.356.306.841	23.885.691.195
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.791.692.494	20.709.944.644
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>637.840.585.907</b>	<b>510.472.535.645</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	229.567.483.340	93.653.886.517
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	176.332.396.096	192.130.457.477
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	182.551.000.000	182.551.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	52.316.399.080	44.961.683.364
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.926.692.609)	(2.824.491.713)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>371.988.973.226</b>	<b>281.987.613.448</b>
1. Hàng tồn kho	141		371.988.973.226	281.987.613.448
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.995.727.030</b>	<b>34.219.798.213</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.073.985.262	31.653.802.001
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.921.741.768	2.565.996.212
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>278.138.518.544</b>	<b>278.760.523.957</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.708.265.544</b>	<b>9.330.270.957</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.708.265.544	9.330.270.957
- Nguyên giá	222		14.449.858.625	15.057.454.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.741.593.081)	(5.727.183.668)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>269.430.253.000</b>	<b>269.430.253.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		97.795.784.000	97.795.784.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		145.913.413.000	145.913.413.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.592.500.000	34.592.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.871.444.000)	(8.871.444.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.342.111.804.042</b>	<b>1.150.036.107.102</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>871.815.950.922</b>	<b>686.258.346.148</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>837.624.614.647</b>	<b>649.067.009.873</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	253.881.304.178	235.099.170.924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	214.318.484.870	59.920.801.064
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	219.003.535	696.372.194
4. Phải trả người lao động	314		687.002.244	1.558.302.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	15.655.970.209	15.551.645.200
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		281.060.605	267.977.271
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	33.539.837.362	43.868.736.755
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	310.088.209.942	291.233.610.123
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.953.741.702	870.393.437
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>34.191.336.275</b>	<b>37.191.336.275</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	34.191.336.275	37.191.336.275
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>470.295.853.120</b>	<b>463.777.760.954</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>470.241.962.306</b>	<b>463.723.870.140</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.490.990.000	430.490.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430.490.990.000	430.490.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.412.517.759	8.078.575.039
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.338.454.547	25.154.305.101
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.127.194.316	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.211.260.231	25.154.305.101
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>53.890.814</b>	<b>53.890.814</b>
1. Nguồn kinh phí	431		53.890.814	53.890.814
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.342.111.804.042</b>	<b>1.150.036.107.102</b>



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		688.930.242.548	837.951.313.011
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	688.930.242.548	837.951.313.011
4. Giá vốn hàng bán	11	23	674.440.327.191	793.353.545.451
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.489.915.357	44.597.767.560
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	30.164.160.470	35.535.333.650
7. Chi phí tài chính	22	26	10.742.240.654	24.464.561.370
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.742.240.654	24.464.561.370
8. Chi phí bán hàng	25	27	4.626.724.526	5.397.050.056
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	6.623.493.771	13.532.973.095
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		22.661.616.876	36.738.516.689
11. Thu nhập khác	31		1.332.534.684	2.440.950.259
12. Chi phí khác	32		287.134.254	2.174.427.747
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.045.400.430	266.522.512
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.707.017.306	37.005.039.201
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	495.757.075	3.999.000.749
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		23.211.260.231	33.006.038.452



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	23.707.017.306	37.005.039.201
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	418.460.753	10.810.034.949
Các khoản dự phòng	3	102.200.896	5.929.767.239
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(54.212.353)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(21.479.655.885)	(35.771.218.059)
Chi phí lãi vay	6	10.742.240.654	24.464.561.370
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	13.436.051.371	42.438.184.700
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(129.687.724.697)	(125.896.663.490)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(90.001.359.778)	27.046.693.284
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	171.664.948.012	(191.493.112.079)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	-	3.805.006.947
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.519.583.777)	(63.280.053.386)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.718.505.270)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(1.553.055.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(48.107.668.869)	(310.651.504.476)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(506.656.993)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	195.454.545	150.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	(32.968.052.006)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.537.040.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	25.960.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.487.746.000	27.535.292.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.683.200.545	(366.456.473)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	370.684.110.922	286.876.100.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(351.829.511.103)	(369.231.130.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.877.767.999)	(30.686.066.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(23.168.180)	(113.041.096.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(26.447.636.504)	(424.059.057.449)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	44.595.635.839	440.997.840.294
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	18.147.999.335	16.938.782.845



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến  
Người lập

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty TNHH Một thành viên, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0100114314 ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25/03/2016.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.490.990.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2017 là 50 người (tại ngày 01/01/2017 là 56 người).

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Công ty Thương mại Tư vấn & Đầu tư.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất đường, ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất rượu vang, bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc thiết bị, thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Công ty Thương mại Tư vấn & Đầu tư, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và các công ty con, công ty liên doanh liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Quận Sơn Tây, TP. Hà Nội	760.537	88,53%	88,53%	Kinh doanh các sản phẩm từ đường
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1.711.500	71,22%	71,22%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	7.988.134	62,19%	62,19%	Sản xuất chế biến đường
Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa		17,50%	50,00%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các công ty con và liên doanh, liên kết.
- Cổ đông lớn của Tổng Công ty: Công ty TNHH XNK và Thương mại Hợp Thịnh, Công ty TNHH Kim Hà Việt;
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị quản lý	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là bản quyền công nghệ phân xưởng vi sinh Công ty được chuyển giao và phần mềm máy tính, tài sản được khấu hao trong 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.472.887.659	1.741.448.797
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.883.419.182	22.144.242.398
Các khoản tương đương tiền	3.791.692.494	20.709.944.644
<b>Cộng</b>	<b>18.147.999.335</b>	<b>44.595.635.839</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>60.141.787.367</b>	<b>34.777.495.417</b>
Công ty TNHH An Hà	32.175.000.000	13.902.560.001
Công ty CP TM và Dịch vụ Song Phương	-	6.209.999.991
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	8.232.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	2.501.930.601	2.501.930.601
Các đối tượng khác	17.232.856.766	12.163.004.824
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>169.425.695.973</b>	<b>58.876.391.100</b>
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	54.746.470.514	3.142.599.978
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	92.403.331.978	53.706.738.906
Công ty TNHH Kim Hà Việt	17.345.000.000	-
Công ty CP Bia rượu NGK ViGer	2.943.073.071	-
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà nội	789.710.140	-
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.196.767.020	1.585.023.583
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đà Loan	1.343.250	442.028.633
	<b>229.567.483.340</b>	<b>93.653.886.517</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>82.614.368.637</b>	<b>98.630.840.018</b>
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	23.839.099.999	16.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung	38.616.319.200	36.316.319.200
Công ty TNHH Đức Lộc	10.300.000.000	30.300.000.000
Công ty SXTM Hải Hà	-	10.000.000.000
Các đối tượng khác	9.858.949.438	5.514.520.818
<b>b) Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	<b>93.718.027.459</b>	<b>93.499.617.459</b>
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đà Loan	7.131.479.979	964.179.980
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	49.931.489.999
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	80.760.333.333	36.777.733.333
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	5.826.214.147	5.826.214.147
	<b>176.332.396.096</b>	<b>192.130.457.477</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan (i)	182.551.000.000	182.551.000.000
<b>Cộng</b>	<b>182.551.000.000</b>	<b>182.551.000.000</b>

Ghi chú: (i) Là khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương theo hợp đồng số 45/2014 - ĐSD&TCT.MĐI ngày 22/12/2014 kèm phụ lục số 01 ngày 29/01/2015, hợp đồng số 08/2015 - ĐSD&TCT.MĐI ngày 30/09/2015, hợp đồng số 10/2016-ĐSD&TCT.MĐI và hợp đồng số 11/2016 - ĐSD&TCT.MĐI ngày 20/06/2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>21.057.810.447</b>	<b>1.090.396.622</b>	<b>25.815.730.952</b>	<b>1.040.852.358</b>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.376.152.240	150.000.000	19.425.167.854	150.000.000
Tạm ứng	473.242.394	24.792.000	550.014.511	24.146.296
Công ty CP Thực phẩm Vạn Diêm	821.256.312	821.256.312	821.256.312	821.256.312
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	4.546.910.863	-	4.769.028.202	-
Các đối tượng khác	840.248.638	94.348.310	250.264.073	45.449.750
<b>b) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>31.258.588.633</b>	<b>-</b>	<b>19.145.952.412</b>	<b>-</b>
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	19.196.532.480	-	11.881.048.597	-
Phải thu phần CLTG với Công ty CP Mía đường Sơn Dương	1.573.470.453	-	1.837.913.396	-
Công ty Cổ phần KNTP 19/5	5.596.395.381	-	5.394.116.100	-
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	4.892.190.319	-	32.874.319	-
	<b>52.316.399.080</b>	<b>1.090.396.622</b>	<b>44.961.683.364</b>	<b>1.040.852.358</b>

**10. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Lilama Hà Nội	1.657.200.000	-	1.657.200.000	-
Công ty CP Thực phẩm Vạn Diêm	821.256.312	-	821.256.312	-
Công ty CP bánh kẹo Hải Châu	100.000.000	-	100.000.000	-
Các đối tượng khác	476.311.159	128.074.862	451.926.102	205.890.701
<b>Cộng</b>	<b>3.054.767.471</b>	<b>128.074.862</b>	<b>3.030.382.414</b>	<b>205.890.701</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	131.799.587	-	131.229.020	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	291.750.521.531	-	267.360.992.729	-
Hàng hóa	80.106.652.108	-	14.495.391.699	-
<b>Cộng</b>	<b>371.988.973.226</b>	<b>-</b>	<b>281.987.613.448</b>	<b>-</b>

Ghi chú: (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí tập hợp của dự án thiết kế, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, mua sắm thiết bị và vật tư xây lắp công trình nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW, TBA - trạm cắt cao thế theo hợp đồng số 35/2016/HĐ-ĐSD ngày 15/03/2016 giữa Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương và Liên danh nhà thầu là Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Lisemco 2.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số đầu kỳ	8.690.466.404	6.222.076.000	144.912.221	15.057.454.625
Thanh lý, nhượng bán	-	(607.596.000)	-	(607.596.000)
Số cuối kỳ	<u>8.690.466.404</u>	<u>5.614.480.000</u>	<u>144.912.221</u>	<u>14.449.858.625</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số đầu kỳ	4.344.251.962	1.238.019.485	144.912.221	5.727.183.668
Khấu hao trong kỳ	141.372.998	277.087.755	-	418.460.753
Thanh lý, nhượng bán	-	(404.051.340)	-	(404.051.340)
Số cuối kỳ	<u>4.485.624.960</u>	<u>1.111.055.900</u>	<u>144.912.221</u>	<u>5.741.593.081</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số đầu kỳ	<u>4.346.214.442</u>	<u>(1.238.019.485)</u>	<u>-</u>	<u>9.330.270.957</u>
Số cuối kỳ	<u>4.204.841.444</u>	<u>4.503.424.100</u>	<u>-</u>	<u>8.708.265.544</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định là tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/06/2017 là 3.308.167.211 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 3.505.563.938 đồng) như trình bày ở Thuyết minh số 19.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 144.912.222 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 144.912.222 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con	97.795.784.000	(8.871.444.000)	88.924.340.000	97.795.784.000
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	8.871.444.000	(8.871.444.000)	-	8.871.444.000
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	17.987.000.000	-	17.987.000.000	17.987.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	70.937.340.000	-	70.937.340.000	70.937.340.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	145.913.413.000	-	145.913.413.000	145.913.413.000
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	97.186.320.000	-	97.186.320.000	97.186.320.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo-Hải Châu	48.727.093.000	-	48.727.093.000	48.727.093.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	34.592.500.000	-	34.592.500.000	34.592.500.000
Tổng Công ty Mía đường II	34.592.500.000	-	34.592.500.000	34.592.500.000
<b>Cộng</b>	<b>278.301.697.000</b>	<b>(8.871.444.000)</b>	<b>269.430.253.000</b>	<b>278.301.697.000</b>
				<b>(8.871.444.000)</b>
				<b>269.430.253.000</b>

Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chi tiêu giá trị hợp lý được tính như sau:

- Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường;
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty chưa niêm yết mà lỗ thì được xác định giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính do công ty nhận đầu tư bị lỗ;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được dự phòng, giá thị trường thì giá trị hợp lý được trình bày là giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Quận Sơn Tây, TP. Hà Nội	760.537	88,53%	88,53%	Kinh doanh các sản phẩm từ đường
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1.711.500	71,22%	71,22%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	7.988.134	62,19%	62,19%	Sản xuất chế biến đường

Tình hình hoạt động của các công ty con trong kỳ như sau: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5 lỗ, Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger và Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương lãi.

Toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương, Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan, Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu, Tổng Công ty Mía đường II được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 19.

c) Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa		17,50%	50,00%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Tình hình hoạt động của các Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ bình thường.

d) Chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Là khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Mía Đường II với số lượng là 3.425.000 cổ phiếu chiếm 5% vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

e) Giao dịch chủ yếu với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND
<b>Mua hàng</b>	
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	288.299.017.404
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	133.811.124
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đà Loan	26.459.714.285
<b>Thu nhập khác</b>	
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đà Loan	1.262.716.284

Ngoài ra có các giao dịch bán hàng cho các công ty con, liên kết: Xem Thuyết minh số 22.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>137.336.429.462</b>	<b>137.336.429.462</b>	<b>108.019.756.217</b>	<b>108.019.756.217</b>
Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited	69.446.830.593	69.446.830.593	84.768.849.650	84.768.849.650
Công ty CP Lisemco 2	6.425.358.130	6.425.358.130	5.538.306.668	5.538.306.668
Công ty TNHH Hồng Dương	8.592.266.000	8.592.266.000	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	1.995.820.000	1.995.820.000	8.535.812.000	8.535.812.000
Các đối tượng khác	50.876.154.739	50.876.154.739	9.176.787.899	9.176.787.899
<b>b) Phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>116.544.874.716</b>	<b>116.544.874.716</b>	<b>127.079.414.707</b>	<b>127.079.414.707</b>
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	116.541.547.739	116.541.547.739	126.563.343.080	126.563.343.080
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	3.326.977	3.326.977	516.071.627	516.071.627
	<b>253.881.304.178</b>	<b>253.881.304.178</b>	<b>235.099.170.924</b>	<b>235.099.170.924</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>26.238.538.203</b>	<b>18.277.936.434</b>
Công ty CPTM và Dịch vụ Song Phương	11.286.100.056	-
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	6.952.446.000	2.000.000.000
Công ty Thực phẩm Miền bắc	4.218.600.001	-
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	-	15.570.120.000
Các đối tượng khác	3.781.392.146	707.816.434
<b>b) Người mua trả tiền trước là bên liên quan</b>	<b>188.079.946.667</b>	<b>41.642.864.630</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	74.480.823.251	39.863.850.000
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	-	1.669.215.280
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	-	109.799.350
Công ty CP bánh kẹo Hải Châu	109.399.123.416	-
Công ty TNHH XNK và TM Hợp Thịnh	4.200.000.000	-
	<b>214.318.484.870</b>	<b>59.920.801.064</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>	<b>696.372.194</b>	<b>169.407.750</b>	<b>646.776.409</b>	<b>219.003.535</b>
Thuế giá trị gia tăng	69.274.870	(69.274.870)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	622.623.421	198.562.103	642.302.506	178.883.018
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	40.120.517	-	40.120.517
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.473.903	-	4.473.903	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>2.565.996.212</b>	<b>171.203.489</b>	<b>815.457.933</b>	<b>1.921.741.768</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.246.295.354	-	495.757.075	1.750.538.279
Thuế thu nhập cá nhân	-	450.400	-	450.400
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	319.700.858	170.753.089	319.700.858	170.753.089

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.655.970.209</b>	<b>15.551.645.200</b>
Chi phí lãi vay phải trả khác (i)	7.200.000.000	7.200.000.000
Lãi vay dự trả	954.720.502	732.063.625
Phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hải Nhung	6.214.348.662	6.214.348.662
Phí vận chuyển	948.880.000	1.262.082.255
Chi phí khác	338.021.045	143.150.658
<b>Dài hạn</b>	<b>34.191.336.275</b>	<b>37.191.336.275</b>
Chi phí lãi vay phải trả khác (i)	34.191.336.275	37.191.336.275

Ghi chú: (i) Theo biên bản làm việc ngày 28/02/2017 giữa Tổng Công ty và Sở giao dịch Agribank, Tổng Công ty đã được giãn lịch trả nợ với mức trả nợ 7,2 tỷ đồng/ năm. Tổng Công ty đã phân loại lại thành khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải trả tiền cổ tức (i)	11.379.245.301	21.647.193.500
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước khoản tiền thoái vốn nhà nước (ii)	19.148.900.305	19.148.900.305
Phải trả Công ty CP Mía đường Sơn Dương	2.700.541.941	2.700.541.941
Kinh phí công đoàn	27.449.135	24.334.168
Bảo hiểm phải nộp	18.452.214	21.234.695
Các khoản phải trả khác	265.248.466	326.532.146
<b>Cộng</b>	<b><u>33.539.837.362</u></b>	<b><u>43.868.736.755</u></b>

Ghi chú:

- (i) Bao gồm khoản cổ tức còn phải trả cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 980/NQ-MĐI-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2017.
- (ii) Khoản phải trả về lãi phạt chậm nộp tiền từ bán cổ phần nhà nước theo công văn số 1477/ĐTKDV-TCKT ngày 29/06/2016 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>310.088.209.942</b>	<b>310.088.209.942</b>	<b>351.829.511.103</b>	<b>370.684.110.922</b>	<b>291.233.610.123</b>	<b>291.280.405.134</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng	85.000.000.000	85.000.000.000	154.202.900.000	164.522.900.000	74.680.000.000	74.680.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Hoàn Kiếm	49.080.000.000	49.080.000.000	148.045.000.000	129.940.000.000	67.185.000.000	67.185.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Minh Khai	13.663.401.779	13.663.401.779	16.775.571.138	24.539.164.417	5.899.808.500	5.899.808.500
Ngân hàng TMCP An Bình	122.794.371.294	122.794.371.294	-	14.553.174.660	108.241.196.634	108.241.196.634
Ngân hàng Eximbank	29.992.336.869	29.992.336.869	29.806.039.965	29.995.171.845	29.803.204.989	29.850.000.000
Vay cá nhân	9.558.100.000	9.558.100.000	3.000.000.000	7.133.700.000	5.424.400.000	5.424.400.000

Ghi chú:

Chi tiết về các khoản vay, như: Giải ngân, thời hạn hoàn trả gốc, lãi vay, tài sản đảm bảo, tài sản cầm bảo, lãi suất, đáo hạn, ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay,... được thể hiện trong từng hợp đồng vay ký giữa Tổng Công ty với tổ chức tín dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>LNST chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>5.666.028.508</b>	<b>42.563.263.659</b>	<b>478.720.282.167</b>
Lãi /(lỗ) trong năm	-	-	52.954.801.616	52.954.801.616
Phân phối lợi nhuận	-	2.412.546.531	(5.790.111.674)	(3.377.565.143)
Chi trả cổ tức	-	-	(64.573.648.500)	(64.573.648.500)
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>8.078.575.039</b>	<b>25.154.305.101</b>	<b>463.723.870.140</b>
Lãi /(lỗ) trong năm	-	-	23.211.260.231	23.211.260.231
Chi trả cổ tức (i)	-	-	(8.609.819.800)	(8.609.819.800)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	2.333.942.720	(10.417.290.985)	(8.083.348.265)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>10.412.517.759</b>	<b>29.338.454.547</b>	<b>470.241.962.306</b>

**Ghi chú:**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 980/NQ-MĐI-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2017, phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2016 được phê duyệt như sau:

- Trích thưởng vượt mức lợi nhuận theo NQĐHĐCĐ: 4.815.828.443 đồng.
- Chi trả cổ tức 2%: 8.609.819.800 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 7% từ lợi nhuận năm 2016: 3.267.519.822 đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển 5% từ lợi nhuận năm 2016: 2.333.942.720 đồng.

Số cổ tức đã trả trong năm là 18.877.767.999 đồng (bao gồm cả trả cổ tức theo Nghị quyết số 2859/NQ-MĐI-HDQT ngày 30/12/2016).

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	219.550.400.000	51,00%	-	0,00%
Công ty TNHH Kim Hà Việt	152.328.750.000	35,38%	195.720.950.000	45,46%
Tổng Công ty Mía đường II	34.250.000.000	7,96%	34.250.000.000	7,96%
Công ty CP Mía đường Lam Sơn	2.928.850.000	0,68%	162.606.960.000	37,77%
Vốn góp của các đối tượng khác	21.432.990.000	4,98%	37.913.080.000	8,81%
<b>Cộng</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>100%</b>	<b>430.490.990.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp đầu kỳ	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp cuối kỳ	430.490.990.000	430.490.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.609.819.800	43.049.099.000

**d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
1. Nợ khó đòi đã xử lý	14.116.925.089	14.116.925.089
2. Ngoại tệ các loại		
USD	150,00	150,00

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
<b>a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>688.930.242.548</b>	<b>837.951.313.011</b>
Doanh thu bán hàng hóa	688.930.242.548	821.483.093.325
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	16.468.219.686
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>303.317.424.458</b>	<b>93.449.334.301</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	46.541.274.524	55.529.528.144
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	222.472.934.740	31.787.170.653
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.753.157.867	-
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đà Loan	-	770.254.550
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	13.713.784.754	-
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà nội	2.309.460.220	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	16.526.812.353	5.362.380.954
<b>Cộng</b>	<b>688.930.242.548</b>	<b>837.951.313.011</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>688.930.242.548</b>	<b>837.951.313.011</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	674.440.327.191	777.141.775.038
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	16.058.880.092
Khác	-	152.890.321
<b>Cộng</b>	<b>674.440.327.191</b>	<b>793.353.545.451</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	307.820.402.415
Chi phí nhân công	5.400.756.494	20.391.500.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.460.753	10.796.200.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.133.040.484	38.783.298.717
Chi phí bằng tiền khác	2.195.759.670	7.742.150.576
<b>Cộng</b>	<b>11.148.017.401</b>	<b>385.533.552.512</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi ứng vốn	8.622.202.117	11.732.306.450
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.487.746.000	14.363.027.200
Lãi từ chuyển nhượng vốn góp	-	9.440.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	54.212.353	-
<b>Cộng</b>	<b>30.164.160.470</b>	<b>35.535.333.650</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.742.240.654	24.464.561.370
<b>Cộng</b>	<b>10.742.240.654</b>	<b>24.464.561.370</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	3.523.946.050	6.093.646.537
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	440.045.145	802.558.591
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.237.812	291.924.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.460.753	655.808.031
Chi phí dự phòng	102.200.896	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	568.702.302	635.851.289
Chi phí bằng tiền khác	1.535.900.813	5.053.184.460
<b>Cộng</b>	<b>6.623.493.771</b>	<b>13.532.973.095</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	1.436.765.299	1.419.790.897
Chi phí vật liệu, bao bì	3.270.000	677.863.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.526.830.370	1.967.638.289
Chi phí bằng tiền khác	659.858.857	1.331.757.649
<b>Cộng</b>	<b>4.626.724.526</b>	<b>5.397.050.056</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	23.707.017.306	37.005.039.201
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(21.228.231.933)	(14.325.630.472)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(21.487.746.000)	(14.363.027.200)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	259.514.067	37.396.728
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.478.785.373</b>	<b>22.679.408.729</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	495.757.075	3.999.000.749
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>495.757.075</b>	<b>3.999.000.749</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Tổng Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Các khoản vay	310.088.209.942	291.233.610.123
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(18.147.999.335)	(44.595.635.839)
Nợ thuần	291.940.210.607	246.637.974.284
Vốn chủ sở hữu	470.241.962.306	463.723.870.140
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>62,1%</b>	<b>53,2%</b>

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.147.999.335	44.595.635.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.957.189.811	135.791.078.168
<b>Tổng cộng</b>	<b>297.105.189.146</b>	<b>180.386.714.007</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	310.088.209.942	291.233.610.123
Phải trả người bán và phải trả khác	256.892.995.934	238.171.813.874
Chi phí phải trả	49.847.306.484	52.742.981.475
<b>Tổng cộng</b>	<b>616.828.512.360</b>	<b>582.148.405.472</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

*Rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như phòng ngừa rủi ro phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.147.999.335	-	18.147.999.335
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.957.189.811	-	278.957.189.811
<b>Tổng cộng</b>	<b>297.105.189.146</b>	<b>-</b>	<b>297.105.189.146</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	310.088.209.942	-	310.088.209.942
Phải trả người bán và phải trả khác	256.892.995.934	-	256.892.995.934
Chi phí phải trả	15.655.970.209	34.191.336.275	49.847.306.484
<b>Tổng cộng</b>	<b>582.637.176.085</b>	<b>34.191.336.275</b>	<b>616.828.512.360</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(285.531.986.939)</b>	<b>(34.191.336.275)</b>	<b>(319.723.323.214)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.595.635.839	-	44.595.635.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.791.078.168	-	135.791.078.168
<b>Tổng cộng</b>	<b>180.386.714.007</b>	<b>-</b>	<b>180.386.714.007</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Các khoản vay	291.233.610.123	-	291.233.610.123
Phải trả người bán và phải trả khác	238.171.813.874	-	238.171.813.874
Chi phí phải trả	15.551.645.200	37.191.336.275	52.742.981.475
<b>Tổng cộng</b>	<b>544.957.069.197</b>	<b>37.191.336.275</b>	<b>582.148.405.472</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(364.570.355.190)</b>	<b>(37.191.336.275)</b>	<b>(401.761.691.465)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 10.267.948.199 đồng, là số tiền cổ tức mà các cổ đông được hưởng nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến  
Người lập

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,  
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,  
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: +84-4 3577 0781  
Fax: +84-4 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84-8 3840 6618  
Fax: +84-8 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Văn phòng Đồng Nai**

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,  
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
Tel: +84-613 828 560  
Fax: +84-613 828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Văn phòng Hải Phòng**

499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Tel: +84-31 353 4655  
Fax: +84-31 353 4316  
Email: vacohp@vaco.com.vn

**Ha Noi Office**

12A Floor, 319 Corporation Tower  
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,  
Cau Giay District, Hanoi City  
Tel: +84-4 3577 0781  
Fax: +84-4 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Ho Chi Minh Office**

6<sup>th</sup> Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street  
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City  
Tel: +84-8 3840 6618  
Fax: +84-8 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Dong Nai Office**

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,  
Bien Hoa City, Dong Nai Province  
Tel: +84-613 828 560  
Fax: +84-613 828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Hai Phong Office**

No. 499 Quan Toan Street, Quan Toan Ward  
Hong Bang District, Hai Phong City  
Tel: +84-31 353 4655  
Fax: +84-31 353 4316  
Email: vacohp@vaco.com.vn